CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Ngày 30/09/2024	6,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**5.1%**

DT thuần
Q3/24
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00| -13.4%
YoY: ▼4.60| -15.1%

LN thuần
Q3/24
1.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 311%
YoY: ▼2.07| -53.0%

LN sau thuế
Q3/24
4.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.89| 326%
YoY: ▲ 0.64| 18.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
16.5%
YoY: +/-▲ 21.7%

ROE (TTM)
Q3/24
0.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

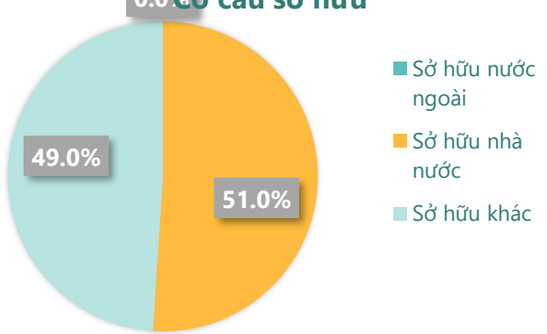
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	310
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	108,225
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.09
EPS	3
P/E	2085.8

DT thuần
9T 2024
93.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.1| 19.3%

LN thuần
9T 2024
1.64
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.02| -81.1%

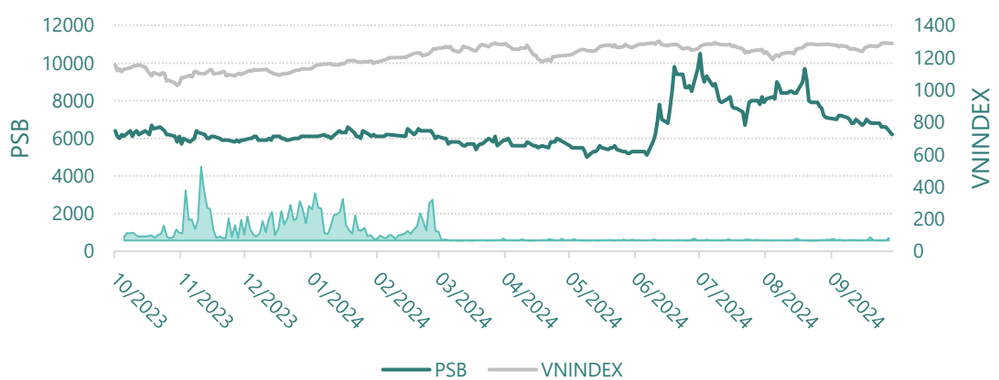
LN sau thuế
9T 2024
2.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.26| -61.0%

Cơ cấu sở hữu

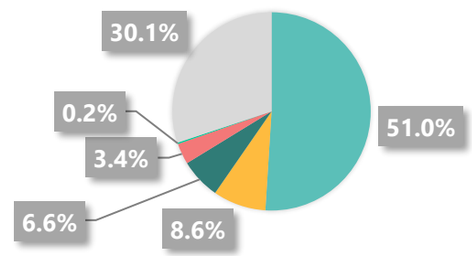


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

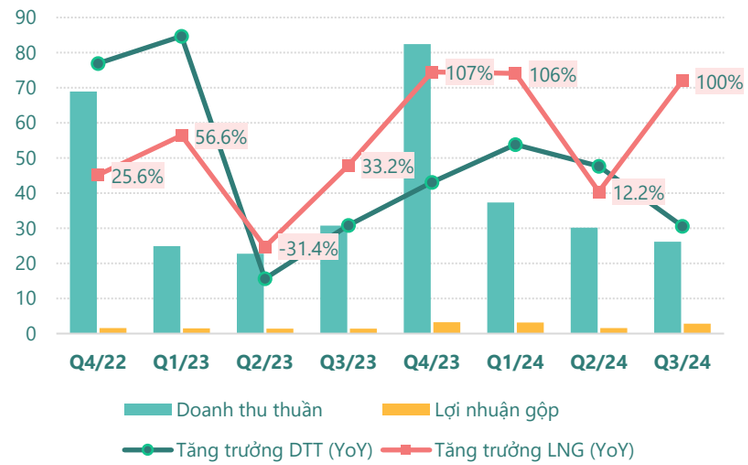


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn
- CTCP Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai
- Chi cục thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội
- Phạm Thị Thu Hằng

(Nguồn: fireant.vn)

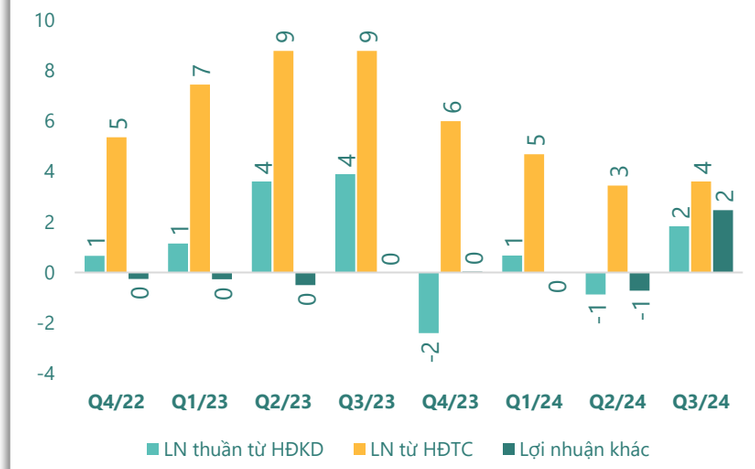
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



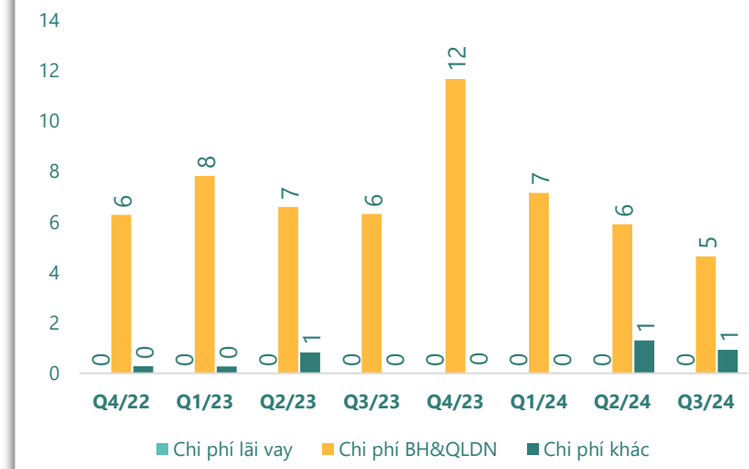
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



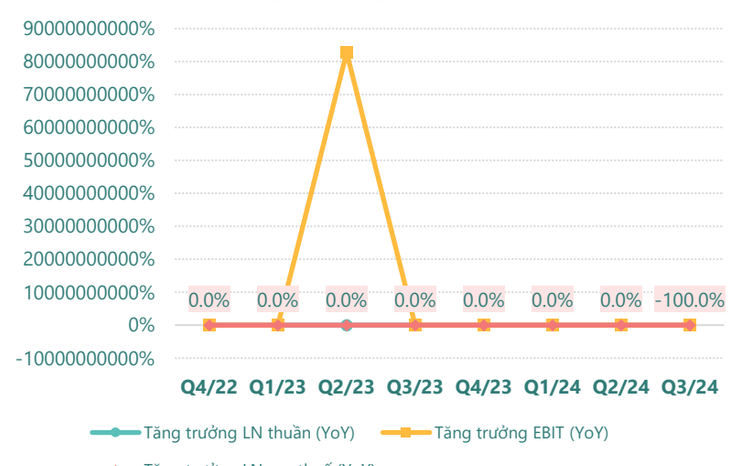
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



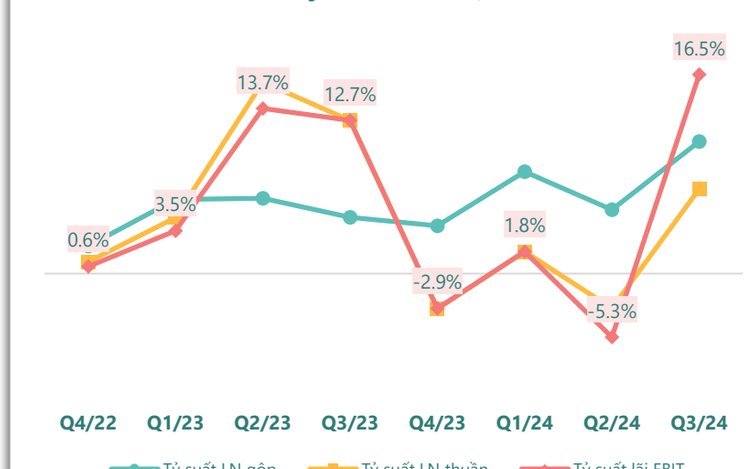
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



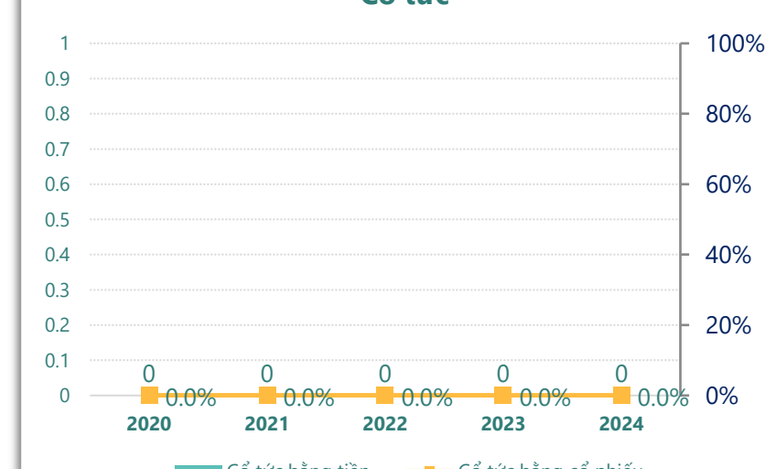
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

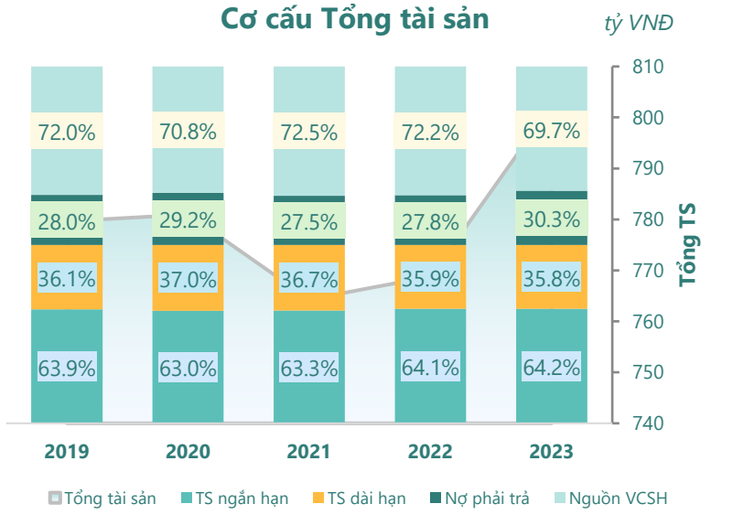
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

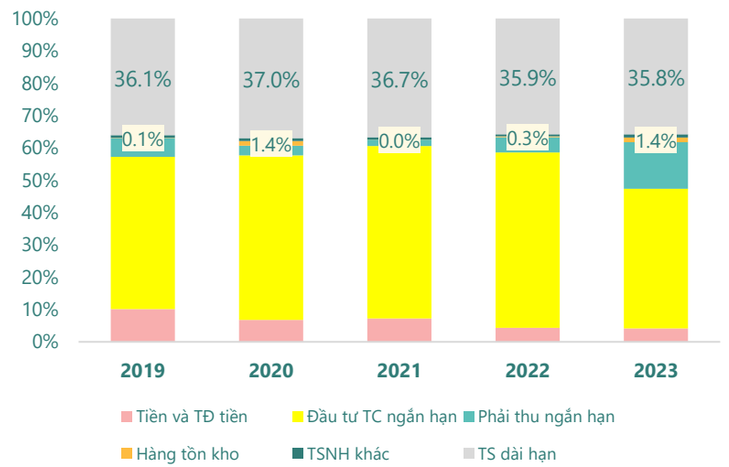
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



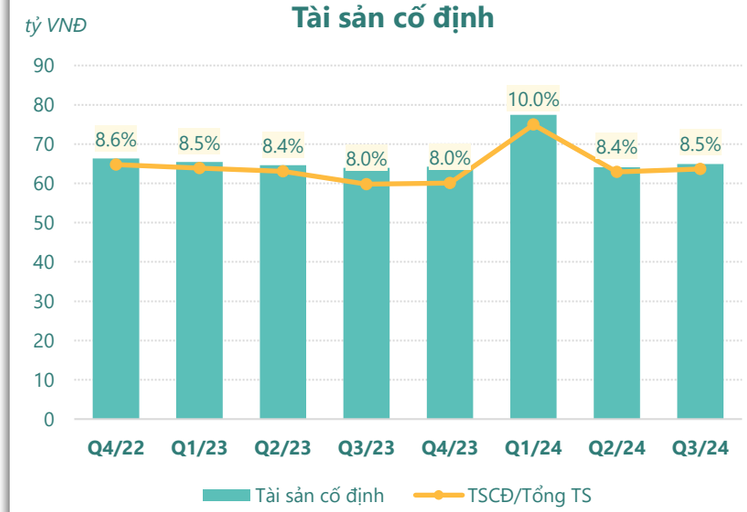
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



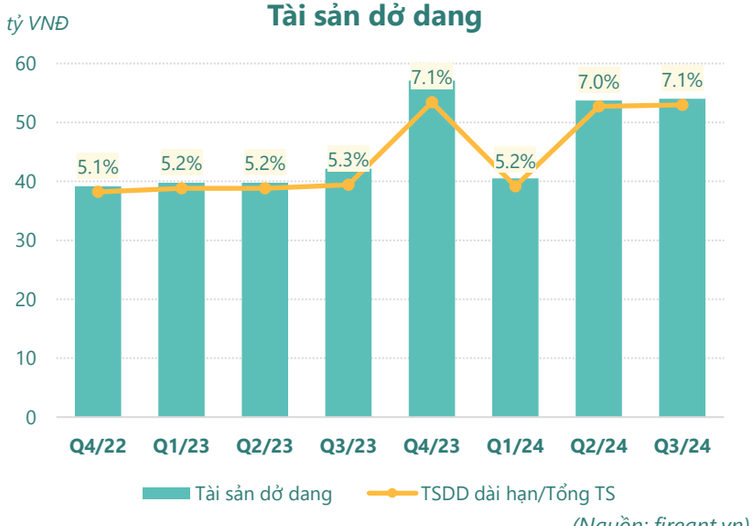
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



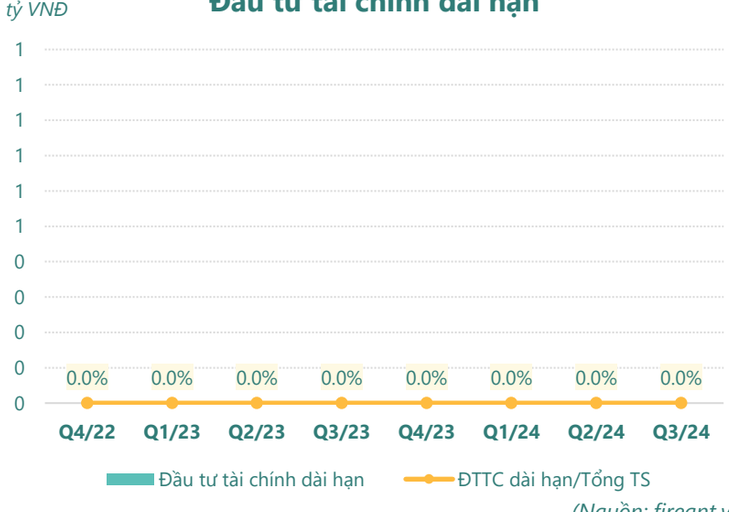
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



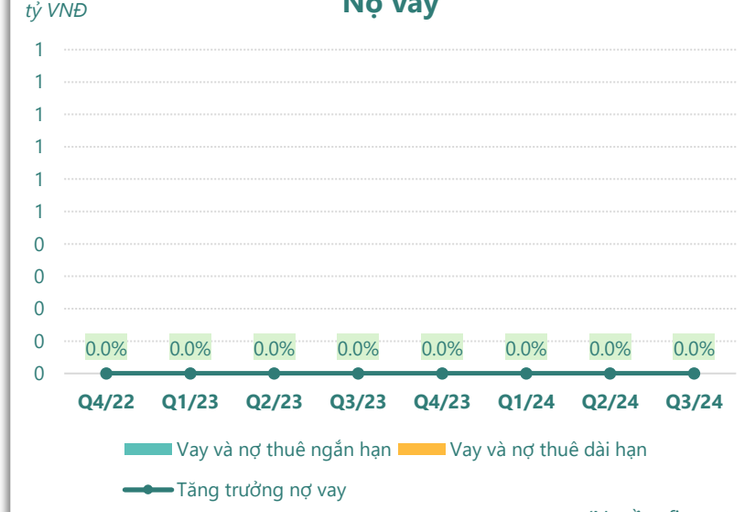
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

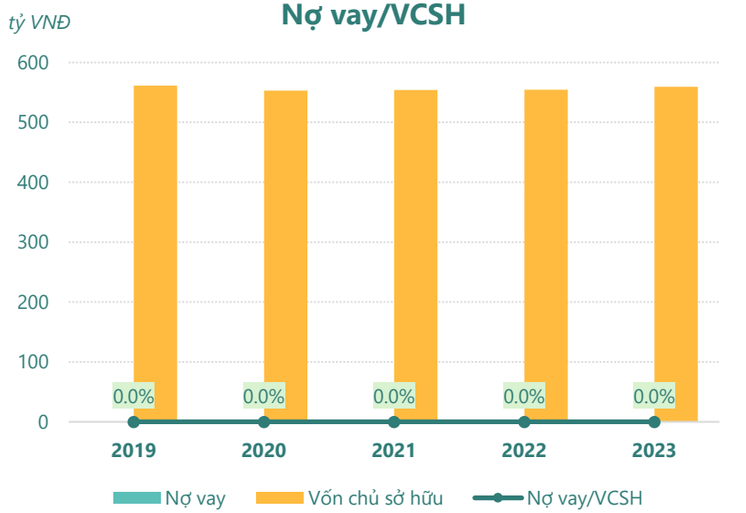
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

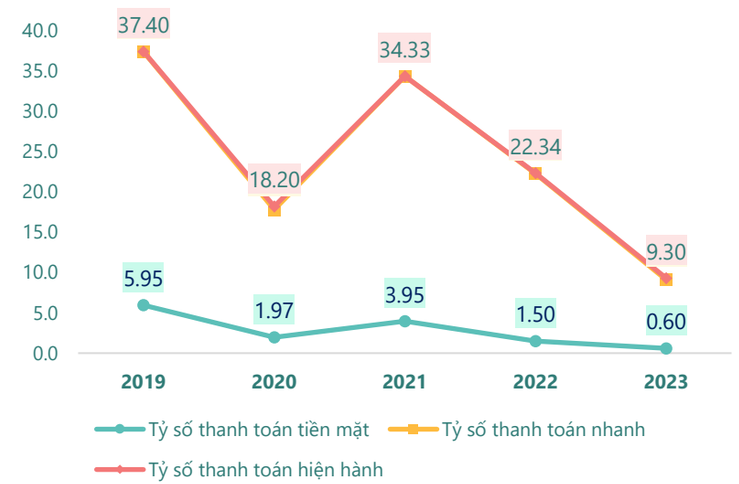
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



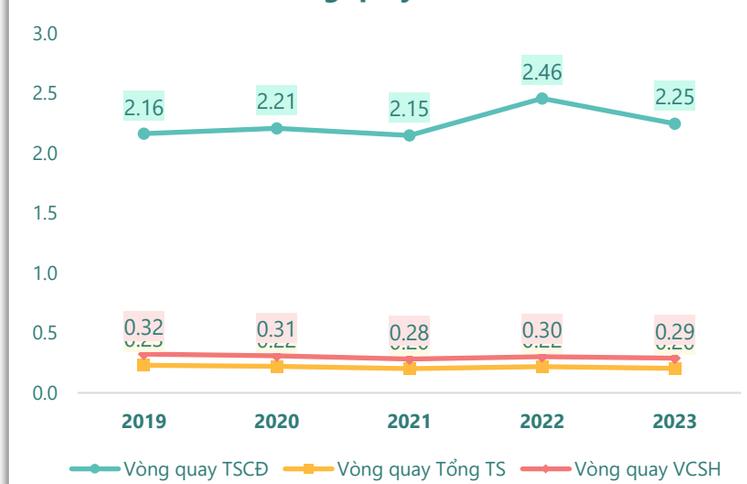
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



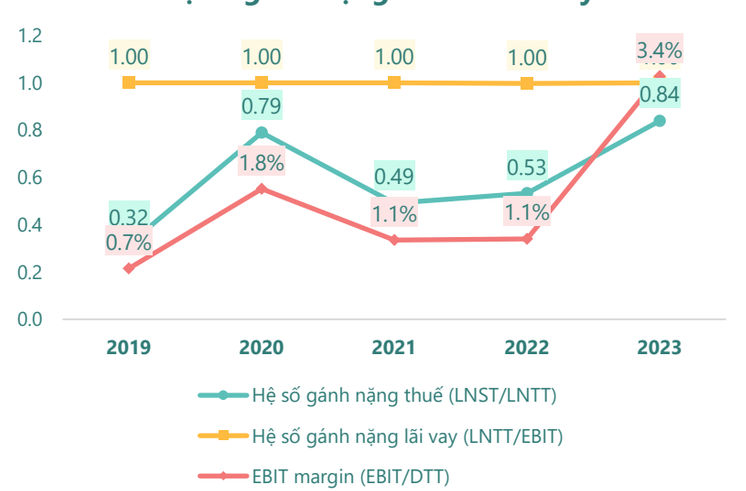
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



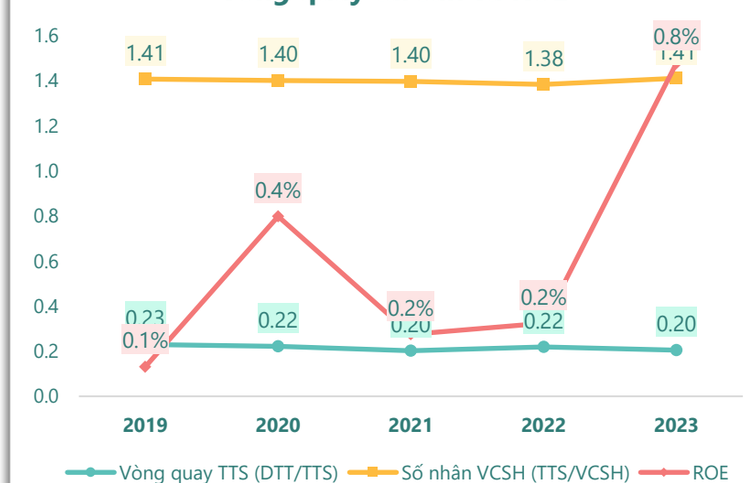
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



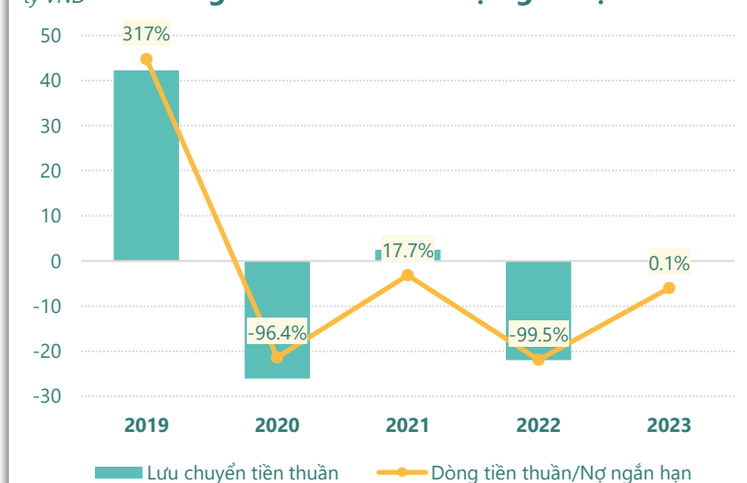
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.2**	**30.8**	**-15.1%**	**93.6**	**78.5**	**19.3%**
Giá vốn hàng bán	23.3	29.3	-20.5%	86.1	74.1	16.1%
Lợi nhuận gộp	2.86	1.43	99.8%	7.59	4.37	73.6%
Doanh thu HĐTC	3.88	8.79	-55.9%	12.6	25.3	-50.2%
Chi phí TC	0.27	0.00		0.82	0.21	296%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.15	0.15	-2.9%	0.44	0.44	0.0%
Chi phí QLDN	**4.49**	**6.18**	**-27.4%**	**17.3**	**20.3**	**-15.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.83	3.90	-53.0%	1.64	8.66	-81.1%
Lợi nhuận khác	**2.47**	**0.00**		**1.76**	**-0.77**	**329%**
LN trước thuế	4.31	3.90	10.4%	3.39	7.89	-57.0%
Lợi nhuận sau thuế	**4.08**	**3.44**	**18.7%**	**2.73**	**6.99**	**-61.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.08**	**3.44**	**18.7%**	**2.73**	**6.99**	**-61.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.9	-8.56	-48.4	-1.28	-44.8	33.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.4	22.1	50.9	-9.57	59.7	-52.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	21.8	17.2	31.0	33.0	22.4	37.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.48**	**13.5**	**2.50**	**-10.8**	**14.9**	**-19.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.17	0.28	-0.46	0.26	-0.19	-0.34
Tiền cuối kỳ	17.2	31.0	33.0	22.4	37.2	17.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**765**	**802**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	482	515	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	17.2	33.0	-48.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	347	347	0.0%
Phải thu ngắn hạn	115	116	-0.6%
Hàng tồn kho	0.24	11.6	-97.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.41	7.84	-69.3%
Tài sản dài hạn	**283**	**287**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	64.9	76.8	-15.5%
Bất động sản đầu tư	161	164	-2.2%
Tài sản dở dang	54.0	42.2	27.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.13**	**3.78**	**-17.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	203	243	-16.4%
Nợ ngắn hạn	**18.7**	**55.4**	**-66.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.56	33.7	-98.3%
Nợ dài hạn	184	188	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**561**	**559**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**561**	**559**	**0.4%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)